








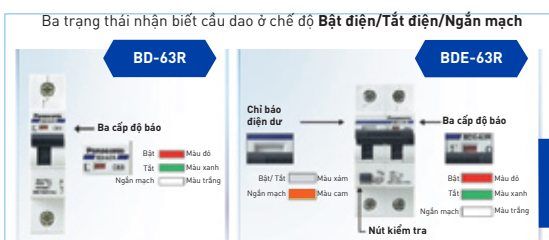


MCB CẦU DAO TỰ ĐỘNG DIN BẢO VỆ QUÁ TẢI & NGẮN MẠCH

	Mã số Code	I_n (A)	I_{cu} (kA)	Giá lẻ (Cái)		Mã số Code	I_n (A)	I_{cu} (kA)	Giá lẻ (Cái)
 Đóng gói 12 cái/hộp 48 cái/thùng	BBD1061CNV	06	240VAC/ 415VAC 06kA	92.500	 Đóng gói 12 cái/hộp 120 cái/thùng	BBD1061CHHV	06	240VAC/ 415VAC 10kA	140.000
	BBD1101CNV	10				BBD1101CHHV	10		
	BBD1161CNV	16				BBD1161CHHV	16		
	BBD1201CNV	20				BBD1201CHHV	20		
	BBD1251CNV	25				BBD1251CHHV	25		
	BBD1321CNV	32				BBD1321CHHV	32		
	BBD1401CNV	40				BBD1401CHHV	40		
	BBD1501CNV	50				BBD1501CHHV	50		
	BBD1631CNV	63				BBD1631CHHV	63		
	BBD10801CHV	80					801.000		
 Đóng gói 6 cái/hộp 24 cái/thùng	BBD2062CNV	06	240VAC/ 415VAC 06kA	265.000	 Đóng gói 6 cái/hộp 60 cái/thùng	BBD2062CHHV	06	415VAC 10kA	406.000
	BBD2102CNV	10				BBD2102CHHV	10		
	BBD2162CNV	16				BBD2162CHHV	16		
	BBD2202CNV	20				BBD2202CHHV	20		
	BBD2252CNV	25				BBD2252CHHV	25		
	BBD2322CNV	32				BBD2322CHHV	32		
	BBD2402CNV	40				BBD2402CHHV	40		
	BBD2502CNV	50				BBD2502CHHV	50		
	BBD2632CNV	63				BBD2632CHHV	63		
	BBD20802CHV	80					1.586.000		
 Đóng gói 4 cái/hộp 16 cái/thùng	BBD3063CNV	06	415VAC 06kA	469.000	 Đóng gói 4 cái/hộp 40 cái/thùng	BBD3063CHHV	06	415VAC 10kA	707.000
	BBD3103CNV	10				BBD3103CHHV	10		
	BBD3163CNV	16				BBD3163CHHV	16		
	BBD3203CNV	20				BBD3203CHHV	20		
	BBD3253CNV	25				BBD3253CHHV	25		
	BBD3323CNV	32				BBD3323CHHV	32		
	BBD3403CNV	40				BBD3403CHHV	40		
	BBD3503CNV	50				BBD3503CHHV	50		
	BBD3633CNV	63				BBD3633CHHV	63		
	BBD30803CHV	80					2.122.000		
 Đóng gói 3 cái/hộp 12 cái/thùng	BBD4164CNV	16	415VAC 06kA	662.000	 Đóng gói 3 cái/hộp 30 cái/thùng	BBD4064CHHV	06	415VAC 10kA	998.000
	BBD4204CNV	20				BBD4104CHHV	10		
	BBD4254CNV	25				BBD4164CHHV	16		
	BBD4324CNV	32				BBD4204CHHV	20		
	BBD4404CNV	40				BBD4254CHHV	25		
	BBD4504CNV	50				BBD4324CHHV	32		
	BBD4634CNV	63				BBD4404CHHV	40		
	BBD4504CHHV	50					1.508.000		
	BBD4634CHHV	63					3.276.000		
	BBD40804CHV	80					3.494.000		
 Đóng gói 2 cái/hộp	BBD41004CHV	100				BBD41004CHV	100	400VAC 10kA	3.494.000

NHẬN BIẾT TÌNH TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA MCB/RCBO



Các chỉ số tình trạng Bật điện, Tắt điện và ngắn mạch được hiển thị thành màu sắc giúp nhanh chóng và dễ dàng nhận diện mạch điện đã được ngắt.



RCBO CẦU DAO BẢO VỆ QUÁ TẢI, NGẮN MẠCH & CHỐNG RÒ

RCBO Compact 2P1E

NEW

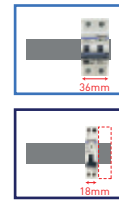
1 cái/ hộp
48 cái/ thùng

Mã số [Code]	I_n [A]	$I_{\Delta n}$ [mA]	I_{cu} [kA]	Giá lẻ (cái)
BBPE20631CNV	06	30	240VAC 06kA	720.000
BBPE21631CNV	16			
BBPE22031CNV	20			
BBPE22531CNV	25	30	240VAC 06kA	770.000
BBPE23231CNV	32			



Gọn hơn
Tối ưu hơn

* Hai cấp độ bảo:
Bật: màu đỏ (cấp điện)
Tắt: màu xanh (ngắt điện)



RCBO 2P1E

6 cái/ hộp
24 cái/ thùng

Mã số [Code]	I_n [A]	$I_{\Delta n}$ [mA]	I_{cu} [kA]	Giá lẻ (cái)
BBDE20631CNV	06	30	240VAC 06kA	628.000
BBDE21631CNV	16			
BBDE22031CNV	20			
BBDE22531CNV	25	30	240VAC 06kA	673.000
BBDE23231CNV	32			
BBDE24031CNV	40	30	240VAC 06kA	954.000
BBDE25031CNV	50			
BBDE26331CNV	63			

RCBO 4P4E



4 cái/ thùng

Mã số [Code]	I_n [A]	$I_{\Delta n}$ [mA]	I_{cu} [kA]	Giá lẻ (cái)
BBDE42534CNV	25	30	415VAC 06kA	1.581.000
BBDE43234CNV	32			
BBDE44034CNV	40			
BBDE45034CNV	50	30	415VAC 06kA	2.079.000
BBDE46334CNV	63			

RCCB CẦU DAO CHỐNG RÒ

RCCB 2P

5 cái/ hộp
30 cái/ thùng

Mã số Code	I_n [A]	Dòng ngắt rò $I_{\Delta n}$ [mA]	Giá lẻ (cái)
BBDR22530HV	25	30mA-2P	1.091.000
BBDR23230HV	32		
BBDR24030HV	40		
BBDR26330HV	63		

RCCB 4P



4 cái/ hộp
16 cái/ thùng

Mã số Code	I_n [A]	Dòng ngắt rò $I_{\Delta n}$ [mA]	Giá lẻ (cái)
BBDR42530HV	25	30mA-4P	1.747.000
BBDR43230HV	32		
BBDR44030HV	40		
BBDR46330HV	63		

BỘ CẦU DAO AN TOÀN HB 2P1E - SAFETY BREAKER

Thiết bị bảo vệ quá tải

Hình ảnh Images	Mã số Code	Thông số kỹ thuật - Specifications		Giá lẻ (cái)
		Dòng định mức I_n [A]	Dòng cắt danh định I_{cu} [kA] 240VAC	
	BS11106TV	6	1	89.000
	BS1110TV	10	1.5	
	BS1111TV	15	1.5	
	BS1112TV	20	1.5	
	BS1113TV	30	1.5	
	BS1114TV	40	1.5	

BỘ CẦU DAO CHỐNG RÒ 2P0E - EARTH LEAKAGE BREAKER

Thiết bị chỉ chống dòng rò, không bảo vệ quá tải

Hình ảnh Images	Mã số Code	Thông số kỹ thuật - Specifications			Giá lẻ (cái)
		Dòng định mức I_n [A]	Dòng cắt danh định I_{cu} [kA] 240VAC	Dòng ngắt rò $I_{\Delta n}$ [mA]	
	BJS3020NA2	30	1.5	15	383.000
	BJS3030NA2			30	
	BJJ23030-8	30	2.5	30	827.000

BỘ CẦU DAO AN TOÀN 2P2E

Thiết bị bảo vệ quá tải, ngắn mạch và chống rò

Hình ảnh Images	Mã số Code	Thông số kỹ thuật - Specifications			Giá lẻ (cái)
		Dòng định mức I_n [A]	Dòng cắt danh định I_{cu} [kA] 240VAC	Dòng ngắt rò $I_{\Delta n}$ [mA]	
	BJS153251V	15	1.5	30	536.000
	BJS203251V	20			
	BJS303251V	30			
	BJJ23022-8	30	1.5	15	972.000
	BJJ23032-8				

ELCB-EARTH LEAKAGE CIRCUIT BREAKER

Thiết bị bảo vệ quá tải, ngắn mạch và chống rò

Hình ảnh Images	Mã số Code	Thông số kỹ thuật - Specifications			Giá lẻ (cái)
		Dòng định mức I_n [A]	Dòng cắt danh định I_{cu} [kA] 240VAC	Dòng ngắt rò $I_{\Delta n}$ [mA]	
	BKW2503Y	50	2.5	30	1.695.000
	BKW2603SKY	60	10	30	2.496.000
	BKW21003KY	100	25	30	3.494.000

THIẾT BỊ CHỐNG SÉT LAN TRUYỀN

SPD



Đóng gói 50 cái/ thùng

Thông số kỹ thuật (Specifications)	BBDT2321BV
Điện áp định mức (Un)	230V
Điện áp làm việc lớn nhất (Uc)	320V (50/60Hz)
Dòng xả xung sét (8/20μs) (In)	20 kA
Dòng xả xung sét cực đại (8/20μs) (Imax)	40 kA
Cấp bảo vệ điện áp (Up)	≤ 1.5 kV
Thời gian phản hồi (tA)	≤ 25 ns
Dạng lắp đặt	35mm DIN Rail
	3.140.000

* Thay thế SPD khi phân hiển thị màu xanh chuyển sang đỏ

NEW KHỞI ĐỘNG TỪ DẠNG DIN, ĐIỆN ÁP ĐIỀU KHIỂN Uc = AC 240V

Tiêu chuẩn quốc tế - IEC61095, IEC60947-4-1

Mã số Code	Loại	I_n [A]	Kích thước (mm)	Giá lẻ (cái)	
BMD2020204ACV	2NO (2 tiếp điểm thường mở)	20	17.8 x 82 x 60	980.000	
BMD2025204ACV		25		980.000	
BMD2040204ACV		40		1.400.000	
BMD2063204ACV	4NO (4 tiếp điểm thường mở)	63	35.4 x 82 x 60	2.530.000	
BMD4025404ACV		25		35.4 x 82 x 60	1.030.000
BMD4040404ACV		40		54.0 x 82 x 60	1.860.000
BMD4063404ACV		63		54.0 x 82 x 60	2.940.000

* I_n [A] Tham chiếu cho thiết bị tải AC-7a

*Giá bán đã bao gồm VAT

Liên hệ tư vấn
0798.966.958 | 0869.800.299
https://thietbipanasonic.vn

ProClub

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng



MCCB - MOLDED CASE CIRCUIT BREAKER

Tiêu chuẩn quốc tế - IEC 60947-2 Standard

SF Series		Thông số kĩ thuật - Specifications				
Hình ảnh Images	Mã số Code	Dòng định mức I_n (A)	Khung dòng điện	Dòng cắt danh định I_{cu} (kA) 415VAC	Số cực	Giá lẻ (cái)
	BBSF2210CTCV	10	100AF	20	2P-2E	950.000
	BBSF2216CTCV	16				
	BBSF2220CTCV	20				
	BBSF2225CTCV	25				
	BBSF2232CTCV	32				
	BBSF2240CTCV	40				
	BBSF2250CTCV	50				
	BBSF2263CTCV	63				
	BBSF2280CTCV	80				
	BBSF22100CTCV	100				
	BBSF3310CFVCV	10	160AF	35	3P-3E	1.620.000
	BBSF3316CFVCV	16				
	BBSF3320CFVCV	20				
	BBSF3325CFVCV	25				
	BBSF3332CFVCV	32				
	BBSF3340CFVCV	40				
	BBSF3350CFVCV	50				
	BBSF3363CFVCV	63				
	BBSF33100CFVCV	100				
	BBSF34160CFVCV	160				
	BBSF34200CFVCV	200	250AF	50	3P-3E	3.500.000
	BBSF34250CFVCV	250				
	BBSF35315CMCV	315				
	BBSF35350CMCV	350				
	BBSF35400CMCV	400				
	BBSF36500CMCV	500				
	BBSF36630CMCV	630				
	BBSF37700CMCV	700				
	BBSF37800CMCV	800				
	BBSF37800CMCV	800				
	BBSF37800CMCV	800	400AF	50	3P-3E	14.950.000
	BBSF37800CMCV	800				
	BBSF37800CMCV	800				
	BBSF37800CMCV	800				
	BBSF37800CMCV	800				
	BBSF37800CMCV	800				
	BBSF37800CMCV	800				
	BBSF37800CMCV	800				
	BBSF37800CMCV	800				
	BBSF37800CMCV	800				

YH/ MH Series		Thông số kĩ thuật - Specifications				
Hình ảnh Images	Mã số Code	Dòng định mức I_n (A)	Dòng cắt danh định I_{cu} (kA) 415VAC	Số cực	Giá lẻ (cái)	
	BBC3601YHV	63	10	3P	1.785.000	
	BBC31502YHVS	150	25	3P	3.970.000	
	BBC32001YHVS	200	25	3P	3.970.000	
	BBC3250YHVS	250	36	3P	4.040.000	
	BBC3600YHV	600	36	3P	24.100.000	
	BBC3630YHV	630	36	3P	49.300.000	
	BBC3800YHV	800	50	3P	7.310.000	
	BBC35300CMHV	300	50	3P	12.770.000	
	BBC35350CMHV	350	50	3P	14.950.000	
	BBC35400CMHV	400	50	3P	12.770.000	
	BBC36500GMHV	500	50	3P	14.950.000	
	BBC36630GMHV	630	50	3P	14.950.000	
	BBC37700GMHV	700	50	3P	14.950.000	
	BBC37800GMHV	800	50	3P	14.950.000	

MCCB - MOLDED CASE CIRCUIT BREAKER

Tiêu chuẩn Nhật Bản - JIS Standard - Xuất xứ Nhật Bản

Hình ảnh Images	Mã số Code	Thông số kĩ thuật (Specifications)			Số cực	Giá lẻ (cái)
		Dòng định mức I_n (A)	Dòng cắt danh định I_{cu} (kA) 220 VAC	Dòng cắt danh định I_{cu} (kA) 415 VAC		
	BBW240SKY	40	10	2.5	2P	925.000
	BBW250SKY	50	10	2.5		990.000
	BBW260Y	60	5	2.5		990.000
	BBW310Y	10	2.5	1.5	3P	725.000
	BBW315Y	15				
	BBW320Y	20				
	BBW330Y	30				
	BBW340SKY	40	10	2.5	3P	1.180.000
	BBW350SKY	50				
	BBW360SKY	60				

Phụ kiện cuộn cắt (shunttrip) cho dòng SF Series

Hình ảnh Images	Mã số Code	Diễn giải	Giá lẻ (cái)
	BBS250Q10A8V	Cuộn cắt AC240V cho thiết bị có dòng định mức 160A, 200A, 250A	470.000
	BBS800Q10A8V	Cuộn cắt AC240V cho thiết bị có dòng định mức 315A, 350A, 400A, 500A, 630A, 700A, 800A	970.000

TỦ ĐIỆN ÂM TƯỜNG - DISTRIBUTION BOX

Hình ảnh	Mã số	Màu	Số đường/ Phụ kiện kèm theo	Kích thước âm tường RxCxS (mm)	Thông số ống PVC (mm)					Giá lẻ (cái)
					Ø16	Ø20	Ø25	Ø32	Ø40	
	BQDF08W31AV	Trắng	8 đường Thanh lực + Nhân dán	230 x 220 x 95	1	4	2	2	2	760.000
	BQDF08MG31AV	Vàng ánh kim								1.020.000
	BQDF08MH31AV	Xám ánh kim								1.020.000
	BQDF12W31AV	Trắng	12 đường Thanh lực + Nhân dán	302 x 220 x 95	-	6	5	2	2	960.000
	BQDF12MG31AV	Vàng ánh kim								1.290.000
	BQDF12MH31AV	Xám ánh kim								1.290.000
	BQDF16W31AV	Trắng	16 đường Thanh lực + Nhân dán	374 x 220 x 95	-	7	6	2	2	1.120.000
	BQDF16MG31AV	Vàng ánh kim								1.490.000
	BQDF16MH31AV	Xám ánh kim								1.490.000
	BQDF24W11AV	Trắng	24 đường (2 tầng) Thanh lực + Nhân dán	302 x 380 x 95	-	6	5	2	2	1.960.000
	BQDF24MG11AV	Vàng ánh kim								2.630.000
	BQDF24MH11AV	Xám ánh kim								2.630.000
	BQDX08T11AV	Trắng	8 đường Thanh lực + Nhân dán	230 x 220 x 95	1	4	2	2	2	1.290.000
	BQDX08G11AV	Vàng ánh kim								2.860.000
	BQDX12T11AV	Trắng								12 đường Thanh lực + Nhân dán
	BQDX12G11AV	Vàng ánh kim	3.080.000							
	BQDX16T11AV	Trắng	16 đường Thanh lực + Nhân dán	374 x 220 x 95	-	7	6	2	2	
	BQDX16G11AV	Vàng ánh kim								3.410.000
	BQDX24T11AV	Trắng								24 đường (2 tầng) Thanh lực + Nhân dán
	BQDX24G11AV	Vàng ánh kim	5.230.000							
	BQDX32T11AV	Trắng	32 đường (2 tầng) Thanh lực + Nhân dán	374 x 380 x 95	-	8	7	2	2	
	BQDX32G11AV	Vàng ánh kim								6.330.000
	BQDX40T21AV	Trắng								40 đường (2 tầng) Thanh lực + Nhân dán
	BQDX40G21AV	Vàng ánh kim	7.530.000							



ProClub

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng



Hải Đăng

Liên hệ tư vấn
0798.966.958 | 0869.800.299
https://thietbipanasonic.vn

*Giá bán đã bao gồm VAT

CÔNG TẮC ĐỒNG HỒ

	Giá lẻ (cái)	650.000	1.050.000	785.000	1.210.000	1.840.000
	Loại/ Type	SPST - 24h	SPST - 24h	SPST - 24h Gắn thanh ray DIN	SPST - 24h Gắn thanh ray DIN	Điện tử - 24h/ Các ngày trong tuần
	Hẹn giờ/ Functions	On-Off	On-Off	On-Off	On-Off	On-Off/Chu kỳ/Xung
	Chương trình Operation	6	6	96	96	210; chọn các ngày nghỉ bất kỳ trong tuần
	Công suất Consumption	220 - 240VAC 15A	220 - 240VAC, 15A	220 - 240VAC 20A	220 - 240VAC 20A	220 - 240VAC 15A
	Pin dự trữ Battery	-	300 giờ TB380N2457 Giá lẻ: 209.000	-	300 giờ TB380N2457 Giá lẻ: 209.000	5 năm
Độ chia nhỏ nhất Min setting (mins)	30 phút	30 phút	15 phút	15 phút	1 phút	

PHÍCH CẮM VÀ Ổ CẮM CÔNG NGHIỆP

	WK2315K 125V - 15A - 2P+ Ground	252.000
	WK2320K 250V - 20A - 3P	265.000
	WK2330 250V - 30A - 2P + Ground	736.000
	Ổ cắm locking loại nổi, màu đen Locking surface mounting receptacle black	
	WK2420K 250V - 20A - 3P + Ground	401.000
	WK2430 250V - 30A - 3P + Ground	811.000
Ổ cắm locking loại nổi, màu đen Locking surface mounting receptacle black		
	WK1330	
	Ổ cắm chuyên dùng Surface mounting receptacle 250V - 30A - 3P	664.000
	WF2315WK 125V - 15A - 2P+ Ground	243.000
	WF2320WK 250V - 20A - 3P	228.000
	WF2330B 250V - 30A - 2P + Ground	610.000
	WF2420BK 250V - 20A - 3P + Ground	398.000
	WF2430B 250V - 30A - 3P + Ground	754.000
	WF2420WK 250V - 20A - 3P + Ground	398.000
	WN1518R	
	Ổ cắm đôi có dây nối đất Grounding flat pin receptacle 125V - 15A	336.000
	WN37008	
	Đai kim loại Metal - Frame	33.000

	WF6315 125V - 15A - 2P+ Ground	160.000
	WF6320 250V - 20A - 3P	220.000
	WF6330 250V - 30A - 2P + Ground	562.000
Phích cắm locking/Locking Plug		
	WF6420 250V - 20A - 3P + Ground	254.000
	WF6430 250V - 30A - 3P + Ground	714.000
Phích cắm locking/Locking plug		
	WF4330	
	Phích cắm kín nước - Rubber plug 250V - 30A - 3P	888.000
	WN9513/ WN9514	
	Mặt nhôm lỗ tròn - Đường kính 35.5/45.5mm 1 gang - 1 device aluminum plate 35.5 dia/45.5 dia	113.000
	WN3040K-8	
	Trạm nối đất Grounding - terminal	95.000

CHUÔNG ĐIỆN

	EGG331	
	Nút chuông kín nước, 220VAC - 1A Bell push button Đóng gói 20 cái/thùng Kết nối được 02 chuông EBG888	112.000
	EBG888	
	Chuông điện, 220V - 9.5W, 50Hz, 82dB Door chime Đóng gói 10 cái/thùng	193.000

CÔNG TẮC THẺ

	WNH5611-801	
	- Công tắc thẻ (3 tiếp điểm) - Tablet switch (3 circuits) - Sử dụng với mặt WZV7843W - 250V - 10A	1.810.000

PHÍCH CẮM MEIKOSHA

	ME2592W	
	Phích cắm 3 chấu - Grounding plug 125V - 15A Đóng gói 10 cái/hộp	120.000

*Giá bán đã bao gồm VAT



Hải Đăng
Liên hệ tư vấn
0798.966.958 | 0869.800.299
https://thietbipanasonic.vn

ProClub

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

